

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 02/5/2024.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Đ, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Sinh
2. Bà Lương Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ tham gia phiên tòa: Ông Trương Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

a/ Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm: 1990; HKTT: Khôi N, phường Điện N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi ở hiện nay: Thôn T, xã Duy T, huyện D, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

b/ Bị đơn: Ông Trần Lê T, sinh năm: 1984; địa chỉ: Khôi N, phường Điện N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Lê Thị N trình bày:

Bà và ông Trần Lê T kết hôn vào ngày 07/3/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Duy T, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông T thường hay nhậu nhẹt, say xỉn về nhà đánh đập, xúc phạm vợ. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân hơn 2 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên bà N cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Lê T.

Về con chung: có 02 con chung là Trần Lê H, sinh ngày 10/10/2012 và Trần Lê D, sinh ngày 23/11/2020. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bà N không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai ngày 22/01/2024, bị đơn, ông Trần Lê T trình bày.

Về thời gian, điều kiện kết hôn, ông thống nhất như lời trình bày của bà N. Về mâu thuẫn là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên ông mất việc làm, dẫn đến kinh tế khó khăn nên vợ chồng hay cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông thì ông thấy vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung như lời trình bày của bà N. Nếu bà N cương quyết ly hôn thì ông đồng ý giao cả 2 con cho bà N nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện VKSND thị xã Đ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành tốt quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát cho rằng: việc mâu thuẫn của các đương sự đã trầm trọng nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: đề nghị giao con chung là Trần Lê H, sinh ngày 10/10/2012 và Trần Lê D, sinh ngày 23/11/2020 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa nguyên đơn bà Lê Thị N và bị đơn ông Trần Lê T. Bị đơn hiện đang cư trú tại địa chỉ: Khối N, phường Điện N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Bị đơn ông Trần Lê T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị N và ông Trần Lê T có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T không có trách nhiệm với gia đình, nhậu nhẹt về nhà đánh vợ. Bà N thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên cương quyết xin ly hôn với ông T. Ông T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do ảnh hưởng dịch Covid-19 dẫn đến kinh tế khó khăn nên vợ chồng mâu thuẫn.

HĐXX thấy rằng: Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chính quyền địa phương không rõ. Xét thấy tình cảm của bà N đối với ông T không còn, hiện tại vợ chồng không còn sống chung chứng tỏ mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho bà Lê Thị N được ly hôn ông Trần Lê T là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Bà N và ông T có 02 con chung là Trần Lê H, sinh ngày 10/10/2012 và Trần Lê D, sinh ngày 23/11/2020. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại bà N và ông T không còn sống chung. Các con chung đang sống cùng mẹ và có nguyện vọng sống cùng mẹ. Các cháu đang ở độ tuổi thiếu niên nên cần sự chăm sóc, giáo dục, nhất là của người mẹ. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng nếu bà N cương quyết ly hôn thì ông đồng ý giao cả 2 con cho bà N nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định cuộc sống, đảm bảo tốt nhất về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật HN&GD thống nhất giao con chung là Trần Lê H, sinh ngày 10/10/2012 và Trần Lê D, sinh ngày 23/11/2020 cho bà Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị N không yêu cầu ông Trần Lê T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 54, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật HN&GD; Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị N được ly hôn ông Trần Lê T.

2/ Về con chung: Giao con chung là Trần Lê H, sinh ngày 10/10/2012 và Trần Lê D, sinh ngày 23/11/2020 cho bà Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị N không yêu cầu ông Trần Lê T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Lê T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết

4/ Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000505 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ. Bà Lê Thị N đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Đ;
- Các đương sự;
- UBND phường Điện N;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân